

DANH SÁCH DỰ THI B1 KHÓA 06**Ngày thi: 23/8/2026 (Buổi SÁNG có mặt tại phòng thi lúc 07h00)**

STT	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	phòng				
B16001	LUAT2311075	Hồ Đình Kỳ	Anh	14/09/2005	An Giang	C.102				
B16002	QLCN2311050	Nguyễn Quỳnh	Anh	28/01/2005	Cần Thơ	C.102				
B16003	KTHC2411015	Trần Thị Tú	Anh	24/01/2005	Cần Thơ	C.102				
B16004	CNTT2211011	Hà Gia	Bảo	13/01/2004	Cần Thơ	C.102				
B16005	LUAT2351005	Phạm Ngọc Phi	Dung	16/07/2005	Cần Thơ	C.102				
B16006	KHMT2411002	Phạm Phúc	Duy	26/03/2006	An Giang	C.102				
B16007	CNDD2311072	Đào Văn	Đậm	08/02/2005	Cần Thơ	C.102				
B16008	CNDD2311052	Lê Anh	Hào	22/06/2005	An Giang	C.102				
B16009	1800314	Hoàng Phước	Hiệp	06/10/2000	An Giang	C.102				
B16010	CNDD2311054	Trần Trung	Hiếu	27/12/2004	Đồng Tháp	C.102				
B16011	2101631	Lê Trần Gia	Huy	01/12/2003	Cần Thơ	C.102				
B16012	LUAT2311077	Vũ Thanh	Huyền	28/04/2005	Bạc Liêu	C.102				
B16013	QTKD2311019	Nguyễn Duy	Khang	28/02/2005	Sóc Trăng	C.102				
B16014	CNXD2411042	Son Quốc	Khánh	02/09/2006	Sóc Trăng	C.102				
B16015	CNDD2311079	Lê Quang	Khiêm	16/12/2005	An Giang	C.102				
B16016	2101211	Lê Tuyết	Lan	07/05/2003	Vĩnh Long	C.102				
B16017	CNXD2411051	Đinh Đại	Lào	01/01/2006	Đồng Tháp	C.102				
B16018	QLCN2311059	Đặng Kim	Liên	11/05/2005	Cần Thơ	C.102				
B16019	2101660	Lâm Nguyễn Ngọc	Linh	25/09/2003	Bạc Liêu	C.102				
B16020	QTKD2311046	Nguyễn Ngọc	Linh	22/05/2006	Hậu Giang	C.102				
B16021	KTNL2211020	Lê Chí	Luận	29/09/2004	Cần Thơ	C.102				
B16022	CNDD2311053	Nguyễn Chí	Nguyên	28/10/2005	Bạc Liêu	C.102				
B16023	2101205	Nguyễn Đặng Bảo	Nguyên	18/07/2003	Đồng Tháp	C.102				
B16024	LUAT2211042	Trần Kiều	Nhi	12/03/2004	Cà Mau	C.102				
B16025	CNDD2311061	Huỳnh Tiến	Nhật	16/08/2005	Cần Thơ	C.102				
B16026	CNDD2311045	Nguyễn Trọng	Phúc	26/09/2005	Cà Mau	C.103				
B16027	TCNH2211036	Nguyễn Nhật	Sang	04/07/2004	An Giang	C.103				
B16028	CNDD2311003	Hồ Bảo	Toàn	23/06/2005	An Giang	C.103				
B16029	2001170	Huỳnh Văn Bảo	Toàn	01/01/2002	An Giang	C.103				
B16030	HTTT2311052	Nguyễn Minh Anh	Tuấn	04/05/2005	An Giang	C.103				
B16031	CNXD2311067	Bùi Minh	Thiện	20/11/2005	Cần Thơ	C.103				
B16032	LUAT2311080	Trần Anh	Thư	14/04/2005	Cần Thơ	C.103				
B16033	LUAT2311052	Lê Ngọc	Trâm	08/09/2005	Cần Thơ	C.103				
B16034	CNDD2311021	Cao Văn	Trưởng	30/07/2005	Cần Thơ	C.103				
B16035	KTPM2211003	Thái Võ Tường	Vy	05/10/2004	Đồng Tháp	C.103				
B16036	QLXD2411013	Lâm Chí	Bảo	05/07/2006	Cần Thơ	C.103	10,0	7,0		
B16037	CNDT 2311001	Nguyễn Thành Trung	Chánh	11/02/2005	Sóc Trăng	C.103	7,3	5,8	5,0	
B16038	CNDD2411061	Đoàn Thanh	Diệp	14/08/2006	Bến Tre	C.103		5,0	7,0	6,5
B16039	QLXD2411029	Thị Thanh	Đạt	31/10/2006	Cần Thơ	C.103	6,0	7,8	6,0	
B16040	LUAT2311043	Danh Thị	Huyền	02/10/2005	Kiên Giang	C.103	6,0	7,3	5,0	
B16041	QLXD2311048	Nguyễn Trung	Kiên	08/09/2005	Cần Thơ	C.103	7,3	7,0		
B16042	CNXD2311001	Nguyễn Duy	Khánh	22/02/2025	Sóc Trăng	C.103	9,5	9,0	5,0	
B16043	QLXD2311006	Trần Đăng	Khoa	22/03/2005	Sóc Trăng	C.103	9,3	7,8	5,0	
B16044	QLXD2411007	Đinh Đình	Khôi	25/04/2005	Sóc Trăng	C.103	9,5	6,3		
B16045	QLXD2411034	Võ Quang	Lai	16/10/2006	Sóc Trăng	C.103	7,3	7,0		
B16046	CNXD2311007	Đinh Hoàng	Long	03/08/2005	Cần Thơ	C.103	6,5	6,3	5,0	
B16047	CNXD2311009	Mai Bảo	Lộc	23/09/2005	Cần Thơ	C.103	8,8	6,8	5,0	
B16048	KHMT2311018	Lê Ngọc	Minh	28/08/2005	Cần Thơ	C.103	8,8	6,8		5,5
B16049	QLXD2411043	Thạch Phú	Mỹ	01/02/2006	Trà Vinh	C.103				5,0
B16050	QTKD2411050	Nguyễn Dương Bảo	Ngọc	23/08/2006	Bạc Liêu	C.103	6,5	7,5		6,5
B16051	LUAT2311019	Son Thị Mỹ	Như	20/01/2005	Sóc Trăng	C.103	5	7,5		5,5
B16052	HTTT2311009	Huỳnh Gia	Tuấn	07/01/2005	Vĩnh Long	C.103	6,8	5,5		6,0
B16053	QLXD2411044	Nguyễn Chế	Thanh	26/04/2006	Cần Thơ	C.103	6,3	6,5		5,0
B16054	QLXD2411050	Nguyễn Chí	Thắng	10/11/2006	Đồng Tháp	C.103			5,0	

B16055	QLXD2411014	Nguyễn Hoàng Quý Thiện	25/05/2006	Cần Thơ	C.103	6,0			5,5
---------------	-------------	-----------------------------	------------	---------	-------	-----	--	--	-----